

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày...tháng... năm 2024

KỶ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Môn thi: Kỹ năng ĐỌC

Thời gian: 60 Phút

Số câu hỏi: 40 câu

HƯỚNG DẪN:

1. Bài thi Đọc gồm 2 phần: Phần 1 gồm hai bài (đoạn trích), phần 2 gồm ba bài (đoạn trích). Sau mỗi bài sẽ có các câu hỏi, mỗi câu hỏi có 04 phương án: A, B, C, D.

Tổng số các câu hỏi của Bài thi Đọc là 40 câu, có số thứ tự từ 1 đến 40, được phân bố như sau:

- Bài 1: 10 câu hỏi
- Bài 2: 6 câu hỏi
- Bài 3: 8 câu hỏi
- Bài 4: 8 câu hỏi
- Bài 5: 8 câu hỏi

2. Các bạn hãy đọc từng bài, tìm phương án đúng cho từng câu hỏi và đánh dấu vào một trong bốn phương án A, B, C, D, tương ứng trong phiếu trả lời.

3. Thời gian 60 phút dành cho các việc: Đọc các đoạn trích, câu hỏi, tìm phương án và đánh dấu phương án trong phiếu trả lời.

PHẦN 1:

Bài 1: Đọc bài dưới đây và trả lời từ câu hỏi 1 đến câu hỏi 10

A. Tôi xin tự giới thiệu: Tên tôi là Nguyễn Văn Tuấn. Tôi là người Việt Nam. Tôi sinh ra và lớn lên tại thành phố Đà Nẵng. Hiện nay, tôi đang là sinh viên năm thứ ba và đang học tiếng Hàn ở Khoa Đông Phương học, trường Đại học Văn Hiến.

B. Gia đình tôi có 5 người: bố, mẹ, chị tôi, em trai tôi và tôi. Bố tôi năm nay 55 tuổi, là kỹ sư xây dựng. Trước đây bố tôi làm việc tại một công ty lớn ở Hà Nội. Mẹ tôi năm nay 50 tuổi, là giáo viên dạy văn. Chị tôi tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân, hiện nay chị đang làm việc tại ngân hàng. Em trai tôi mới 18 tuổi, đang học lớp 12. Cả gia đình tôi thường dùng tiếng Việt khi nói chuyện với nhau, nhưng chúng tôi cũng cố gắng học thêm tiếng Anh để giao tiếp với bạn bè quốc tế.

C. Tôi có nhiều bạn bè nước ngoài, họ cũng học tiếng Hàn như tôi. Bạn thân nhất của tôi là Lee Min Ho, người Hàn Quốc. Anh ấy đến từ Busan. Trước khi đến Việt Nam, anh Lee đã từng làm việc trong ngành tài chính. Tôi còn có một người bạn khác tên là John, người Mỹ. Anh ấy đến từ New York và đang học tiếng Việt để có thể làm việc tại một công ty đa quốc gia ở Việt Nam. Bạn bè Việt Nam của tôi cũng rất thân thiết, đặc biệt là Lan, Huy và Tùng. Lan là sinh viên Đại học Y Dược TP.HCM, Huy học tại Đại học Bách khoa, còn Tùng đang làm việc tại một công ty công nghệ lớn.

D. Lớp học của chúng tôi rất vui. Cô giáo dạy tiếng Hàn của chúng tôi tên là Ji Eun. Cô rất dễ thương và nhiệt tình. Cô không chỉ dạy ngôn ngữ mà còn chia sẻ với chúng tôi nhiều điều thú vị về văn hóa Hàn Quốc. Mỗi năm, cô Ji Eun thường dẫn học sinh của mình đi tham quan các danh lam thắng cảnh tại Hàn Quốc.

Câu hỏi 1: Nguyễn Văn Tuấn làm nghề gì?

- A. Sinh viên
- B. Công nhân
- C. Kỹ sư xây dựng
- D. Giáo viên

Câu hỏi 2: Nguyễn Văn Tuấn đến từ đâu?

- A. Thành phố Hồ Chí Minh
- B. Hà Nội
- C. Đà Nẵng
- D. Hải Phòng

Câu hỏi 3: Bố của bạn Nguyễn Văn A làm nghề gì?

- A. Bác sĩ
- B. Kỹ sư xây dựng
- C. Giáo viên
- D. Nhân viên ngân hàng

Câu hỏi 4: Em trai của Nguyễn Văn Tuấn bao nhiêu tuổi?

- A. 15 tuổi
- B. 18 tuổi
- C. 20 tuổi
- D. 22 tuổi

Câu hỏi 5: Lee Min Ho đến từ đâu?

- A. Seoul
- B. Busan
- C. Jeju
- D. Incheon

Câu hỏi 6: Chị của Nguyễn Văn Tuấn học ngành gì?

- A. Y Dược
- B. Kinh tế
- C. Công nghệ thông tin
- D. Văn học

Câu hỏi 7: Cô giáo Ji Eun dạy môn gì?

- A. Tiếng Hàn
- B. Tiếng Việt
- C. Toán
- D. Tiếng Anh

Câu hỏi 8: Bạn John đến từ nước nào?

- A. Canada
- B. Anh
- C. Mỹ
- D. Australia

Câu hỏi 9: Gia đình bạn Nguyễn Văn A nói chuyện với nhau bằng ngôn ngữ nào?

- A. Tiếng Hàn
- B. Tiếng Anh
- C. Tiếng Nhật
- D. Tiếng Việt

Câu hỏi 10: Tùng đang làm việc tại đâu?

- A. Một công ty xây dựng
- B. Một công ty công nghệ
- C. Một ngân hàng
- D. Một nhà hàng

PHẦN 1

Bài 2. Đọc bài dưới đây và trả lời từ câu hỏi 11 đến câu hỏi 16

(1) Tình trạng thiếu ngủ đang trở thành một vấn đề sức khỏe nghiêm trọng trên toàn thế giới. Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), khoảng 40% dân số toàn cầu không có giấc ngủ đầy đủ, tức là ngủ ít hơn 7-8 giờ mỗi đêm. Thiếu ngủ không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất mà còn tác động tiêu cực đến tinh thần và hiệu suất làm việc.

(2) Tại Hoa Kỳ, Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh (CDC) cho biết, hơn 35% người trưởng thành thường xuyên ngủ ít hơn 7 giờ mỗi đêm. Tình trạng này đặc biệt phổ biến ở những người có công việc căng thẳng và lịch trình làm việc không ổn định. Ở Anh, 30% người dân cũng gặp vấn đề tương tự, với nhiều người phàn nàn rằng họ khó duy trì giấc ngủ liên tục suốt đêm.

(3) Các nguyên nhân dẫn đến thiếu ngủ rất đa dạng, từ áp lực công việc, sử dụng thiết bị điện tử quá nhiều trước khi ngủ, cho đến các vấn đề sức khỏe như lo âu và rối loạn giấc ngủ. Một nghiên cứu của Đại học Harvard chỉ ra rằng ánh sáng xanh từ màn hình điện thoại và máy tính có thể ức chế quá trình sản xuất melatonin, một hormone giúp điều chỉnh giấc ngủ.

(4) Thiếu ngủ kéo dài có thể dẫn đến nhiều hậu quả nghiêm trọng như béo phì, tiểu đường, bệnh tim mạch, và thậm chí là tử vong. Ngoài ra, thiếu ngủ còn làm suy giảm khả năng tập trung, giảm hiệu suất làm việc, và tăng nguy cơ tai nạn giao thông.

(5) Các chuyên gia y tế khuyến cáo rằng mọi người cần đảm bảo giấc ngủ đủ và chất lượng. Điều này bao gồm việc xây dựng thói quen ngủ đúng giờ, hạn chế sử dụng thiết bị điện tử trước khi đi ngủ, và tạo ra môi trường ngủ thoải mái, yên tĩnh.

Câu 11: Theo WHO, bao nhiêu phần trăm dân số toàn cầu không có giấc ngủ đầy đủ?

- A. 20%
- B. 40%
- C. 60%
- D. 80%

Câu 12: Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh (CDC) của Hoa Kỳ cho biết bao nhiêu phần trăm người trưởng thành thường xuyên ngủ ít hơn 7 giờ mỗi đêm?

- A. 25%
- B. 35%
- C. 45%
- D. 55%

Câu 13: Ánh sáng xanh từ màn hình điện thoại và máy tính ảnh hưởng như thế nào đến giấc ngủ?

- A. Tăng cường sản xuất melatonin
- B. Giảm sản xuất melatonin
- C. Không ảnh hưởng gì đến melatonin
- D. Chỉ ảnh hưởng vào ban ngày

Câu 14: Những người làm việc trong môi trường nào có nguy cơ thiếu ngủ cao hơn?

- A. Công việc ít căng thẳng
- B. Công việc căng thẳng và lịch trình làm việc không ổn định
- C. Công việc văn phòng với lịch trình cố định
- D. Công việc tại nhà

Câu 15: Để cải thiện giấc ngủ, mọi người nên làm gì?

- A. Xây dựng thói quen ngủ đúng giờ
- B. Sử dụng thiết bị điện tử trước khi đi ngủ
- C. Uống cà phê vào buổi tối
- D. Làm việc khuya

Câu 16: Một trong những khuyến nghị của các chuyên gia để cải thiện chất lượng giấc ngủ là gì?

- A. Tập thể dục nặng trước khi đi ngủ
- B. Hạn chế ánh sáng trong phòng ngủ
- C. Uống cà phê vào buổi tối
- D. Sử dụng điện thoại trước khi ngủ

PHẦN 2

Bài 3. Đọc bài dưới đây và trả lời từ câu hỏi 17 đến câu hỏi 24

Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng nằm ở tỉnh Quảng Bình, miền Trung Việt Nam, là một di sản thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận. Với diện tích hơn 123.000 ha, Phong Nha - Kẻ Bàng là một trong những khu vực có hệ sinh thái đa dạng và đặc sắc nhất ở Đông Nam Á. Khu vực này nổi tiếng với các hệ thống hang động phức tạp và độc đáo, bao gồm nhiều hang động dài nhất và lớn nhất thế giới.

Phong Nha - Kẻ Bàng là một trong những điểm đến du lịch sinh thái hàng đầu ở Việt Nam. Các du khách đến đây thường bị cuốn hút bởi hệ thống hang động rộng lớn, đặc biệt là Hang Sơn Đoòng, hang động lớn nhất thế giới với chiều cao có thể chứa cả một tòa nhà 40 tầng. Bên cạnh đó, khu vực này còn nổi bật với hệ động thực vật phong phú, bao gồm nhiều loài đặc hữu chỉ có ở Việt Nam.

Ngoài giá trị về mặt tự nhiên, Phong Nha - Kẻ Bàng còn đóng vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu và bảo tồn các loài động, thực vật quý hiếm. Khu vực này đã được các nhà khoa học trong và ngoài nước nghiên cứu và công bố nhiều công trình có giá trị khoa học. Những nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững tại đây cũng đóng góp vào việc bảo vệ môi trường và giảm thiểu tác động của con người lên hệ sinh thái tự nhiên.

Với những giá trị độc đáo về cảnh quan, hệ sinh thái và đa dạng sinh học, Phong Nha - Kẻ Bàng không chỉ là niềm tự hào của Việt Nam mà còn là di sản quý giá của thế giới, cần được bảo tồn và phát triển bền vững cho các thế hệ mai sau.

Câu 17: Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng nằm ở tỉnh nào?

- A. Quảng Bình

B. Quảng Nam

C. Quảng Trị

D. Quảng Ngãi

Câu 18: Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới vào năm nào?

A. 2003

B. 2000

C. 2010

D. 1995

Câu 19: Diện tích của vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng là bao nhiêu?

A. 123.000 ha

B. 150.000 ha

C. 100.000 ha

D. 200.000 ha

Câu 20: Phong Nha - Kẻ Bàng nổi tiếng với điều gì?

A. Hệ thống hang động phức tạp

B. Các đỉnh núi cao

C. Động cát rộng lớn

D. Rừng ngập mặn

Câu 21: Phong Nha - Kẻ Bàng có giá trị gì về mặt khoa học?

A. Nghiên cứu và bảo tồn các loài quý hiếm

B. Khai thác khoáng sản

C. Phát triển công nghiệp

D. Khai thác dầu mỏ

Câu 22: Di sản Phong Nha - Kẻ Bàng đã được công nhận nhờ gì?

A. Hệ sinh thái đa dạng và độc đáo

B. Khí hậu ôn hòa

C. Lượng mưa lớn

D. Vị trí địa lý chiến lược

Câu 23: Phong Nha - Kẻ Bàng đóng góp gì cho Việt Nam?

A. Du lịch sinh thái

B. Khai thác tài nguyên

C. Phát triển đô thị

D. Nông nghiệp công nghệ cao

Câu 24: Giá trị nào của Phong Nha - Kẻ Bàng được coi là di sản quý giá của thế giới?

A. Cảnh quan và đa dạng sinh học

B. Nguồn nước phong phú

C. Tài nguyên khoáng sản

D. Đất đai rộng lớn

PHẦN 2

Bài 4) Đọc bài dưới đây và trả lời từ câu hỏi 25 đến câu hỏi 32

Sông Mekong, một trong những con sông dài nhất ở Đông Nam Á, chảy qua nhiều quốc gia và có tầm quan trọng đặc biệt đối với Việt Nam. Con sông này bắt nguồn từ cao nguyên Tây Tạng, chảy qua các nước như Trung Quốc, Lào, Campuchia và cuối cùng đổ ra biển Đông tại miền Tây Nam Việt Nam. Tại Việt Nam, sông Mekong được gọi là sông Cửu Long và tạo thành đồng bằng sông Cửu Long, một trong những vùng nông nghiệp màu mỡ và quan trọng nhất của đất nước.

Sông Mekong không chỉ cung cấp nguồn nước dồi dào cho việc tưới tiêu, mà còn đóng vai trò quan trọng trong đời sống của hàng triệu người dân ở khu vực đồng bằng. Vùng đồng bằng sông Cửu Long là nơi sản xuất lúa gạo chính của Việt Nam, cung cấp một phần lớn sản lượng gạo cho cả nước và xuất khẩu ra quốc tế. Bên cạnh lúa gạo, khu vực này cũng trồng nhiều loại cây trồng khác như ngô, khoai lang, và trái cây.

Ngoài việc cung cấp nguồn nước và đất đai màu mỡ, sông Mekong còn là con đường giao thông quan trọng, giúp kết nối các khu vực khác nhau trong vùng đồng bằng. Những con thuyền và tàu bè thường xuyên vận chuyển hàng hóa và hành khách trên con sông này, đóng góp vào nền kinh tế của các tỉnh miền Tây Nam Bộ.

Tuy nhiên, sông Mekong cũng đang đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm ô nhiễm môi trường, sự thay đổi khí hậu, và việc xây dựng các đập thủy điện ở thượng nguồn. Những vấn đề này đang ảnh hưởng đến dòng chảy của sông và gây ra tình trạng thiếu nước vào mùa khô, đồng thời làm giảm sản lượng nông nghiệp và ảnh hưởng đến đời sống của người dân.

Với vai trò quan trọng của mình, việc bảo vệ và quản lý bền vững sông Mekong là một nhiệm vụ cấp bách để đảm bảo rằng con sông này tiếp tục cung cấp tài nguyên và hỗ trợ cuộc sống của hàng triệu người trong tương lai.

Câu 25: Sông Mekong bắt nguồn từ đâu?

A. Cao nguyên Tây Tạng

B. Cao nguyên Lâm Viên

C. Núi Bạch Mã

D. Cao nguyên Đắc Lắc

Câu 26: Tại Việt Nam, sông Mekong được gọi là gì?

A. Sông Cửu Long

- B. Sông Hồng
- C. Sông Đồng Nai
- D. Sông Tiền

Câu 27: Đồng bằng sông Cửu Long là khu vực nổi bật về sản xuất gì?

- A. Lúa gạo
- B. Cà phê
- C. Trà
- D. Cacao

Câu 28: Những loại cây trồng nào khác ngoài lúa gạo được sản xuất ở vùng đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Ngô, khoai lang, trái cây
- B. Dưa hấu, cà chua, rau cải
- C. Cà phê, chè, bông
- D. Khoai tây, đậu tương, củ cải

Câu 29: Con sông Mekong giúp kết nối các khu vực nào?

- A. Các tỉnh miền Tây Nam Bộ
- B. Các tỉnh miền Trung
- C. Các tỉnh miền Bắc
- D. Các tỉnh miền Đông Nam Bộ

Câu 30: Những thách thức nào đang ảnh hưởng đến sông Mekong?

- A. Ô nhiễm môi trường, sự thay đổi khí hậu, đập thủy điện
- B. Sạt lở đất, bão lũ, hạn hán
- C. Khô hạn, động đất, sóng thần
- D. Nạn chặt phá rừng, ô nhiễm không khí, khan hiếm tài nguyên

Câu 31: Sông Mekong có ảnh hưởng gì đến sản lượng nông nghiệp?

- A. Sự thiếu nước vào mùa khô làm giảm sản lượng
- B. Tăng sản lượng nông nghiệp
- C. Không ảnh hưởng đến sản lượng nông nghiệp
- D. Làm tăng giá cả nông sản

Câu 32: Đập thủy điện ở thượng nguồn có ảnh hưởng gì đến sông Mekong?

- A. Làm giảm dòng chảy của sông
- B. Tăng cường dòng chảy của sông

- C. Không ảnh hưởng đến sông
- D. Tạo ra nhiều nguồn nước sạch

PHẦN 2

Bài 5. Đọc bài dưới đây và trả lời từ câu hỏi 33 đến câu hỏi 40

Ngành thủy sản đóng một vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, không chỉ cung cấp thực phẩm cho người dân mà còn là nguồn thu nhập chính cho nhiều hộ gia đình và đóng góp đáng kể vào xuất khẩu của quốc gia. Việt Nam nổi tiếng với các sản phẩm thủy sản như tôm, cá tra, cá basa, và ngao.

Ngành thủy sản của Việt Nam được chia thành nhiều lĩnh vực, bao gồm nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản. Trong đó, nuôi trồng thủy sản là một trong những hoạt động chủ yếu, với các khu vực nuôi trồng trải dài từ miền Bắc đến miền Nam. Các sản phẩm từ nuôi trồng thủy sản không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn được xuất khẩu sang nhiều quốc gia, đóng góp vào kim ngạch xuất khẩu hàng năm của Việt Nam.

Khai thác thủy sản cũng là một hoạt động quan trọng, với các ngư dân sử dụng nhiều loại tàu thuyền và công nghệ để đánh bắt cá và hải sản từ biển. Tuy nhiên, ngành khai thác đang đối mặt với nhiều thách thức như sự suy giảm nguồn lợi thủy sản, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu. Những vấn đề này đòi hỏi các giải pháp bền vững để bảo vệ tài nguyên biển và đảm bảo sự phát triển lâu dài của ngành.

Chế biến thủy sản là một lĩnh vực khác đóng góp lớn vào nền kinh tế. Các nhà máy chế biến thủy sản tại Việt Nam sản xuất nhiều sản phẩm đa dạng từ cá và tôm, bao gồm cả sản phẩm tươi sống, đông lạnh và chế biến sẵn. Những sản phẩm này không chỉ phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước mà còn xuất khẩu ra thị trường quốc tế, góp phần nâng cao giá trị kinh tế của ngành thủy sản.

Câu 33: Ngành thủy sản của Việt Nam bao gồm các lĩnh vực nào?

- A. Nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản
- B. Nuôi trồng và chế biến thủy sản
- C. Khai thác và chế biến thủy sản
- D. Nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản

Câu 34: Việt Nam nổi tiếng với các sản phẩm thủy sản nào?

- A. Tôm, cá hồi, cá ngừ
- B. Cá thu, cá mú, sò điệp
- C. Tôm, cá tra, cá basa, ngao
- D. Cá chép, cá trắm, cua

Câu 35: Thách thức lớn nhất của ngành khai thác thủy sản là gì?

- A. Suy giảm nguồn lợi thủy sản
- B. Tăng trưởng dân số
- C. Nhu cầu tiêu dùng trong nước giảm

D. Giá thành sản phẩm tăng

Câu 36: Chế biến thủy sản bao gồm các sản phẩm nào?

- A. Sản phẩm tươi sống, đông lạnh, và đồ hộp
- B. Sản phẩm chế biến sẵn, nước sốt và gia vị
- C. Sản phẩm đông lạnh, chế biến sẵn, và snack
- D. Sản phẩm tươi sống, đông lạnh và chế biến sẵn

Câu 37: Tài nguyên nào đang được khai thác từ biển trong ngành thủy sản?

- A. Dầu mỏ
- B. Cá và hải sản
- C. Muối
- D. Cát

Câu 38: Ngành thủy sản đóng góp vào nền kinh tế qua hình thức nào?

- A. Cung cấp các dịch vụ giáo dục
- B. Phát triển cơ sở hạ tầng
- C. Xuất khẩu và tạo thu nhập
- D. Cung cấp năng lượng

Câu 39: Phần lớn sản phẩm từ nuôi trồng thủy sản được tiêu thụ ở đâu?

- A. Trong nước và xuất khẩu
- B. Chỉ tiêu thụ trong nước
- C. Chỉ xuất khẩu
- D. Dùng trong sản xuất công nghiệp

Câu 40: Ngành nào không phải là một phần của ngành thủy sản ở Việt Nam?

- A. Nuôi trồng
- B. Khai thác dầu mỏ
- C. Chế biến
- D. Xuất khẩu

HẾT BÀI THI ĐỌC

ĐÁP ÁN ĐÚNG:

1. A. Sinh viên
2. C. Đà Nẵng
3. B. Kỹ sư xây dựng
4. B. 18 tuổi
5. B. Busan
6. B. Kinh tế
7. A. Tiếng Hàn
8. C. Mỹ
9. D. Tiếng Việt
10. B. Một công ty công nghệ
11. B. 40%
12. B. 35%
13. B. Giảm sản xuất melatonin
14. B. Công việc căng thẳng và lịch trình làm việc không ổn định
15. A. Xây dựng thói quen ngủ đúng giờ
16. B. Hạn chế ánh sáng trong phòng ngủ
17. A. Quảng Bình
18. A. 2003
19. A. 123.000 ha
20. A. Hệ thống hàng động phức tạp
21. A. Nghiên cứu và bảo tồn các loài quý hiếm
22. A. Hệ sinh thái đa dạng và độc đáo
23. A. Du lịch sinh thái
24. A. Cảnh quan và đa dạng sinh học
25. A. Cao nguyên Tây Tạng
26. A. Sông Cửu Long
27. A. Lúa gạo
28. A. Ngô, khoai lang, trái cây
29. A. Các tỉnh miền Tây Nam Bộ
30. A. Ô nhiễm môi trường, sự thay đổi khí hậu, đập thủy điện
31. A. Sự thiếu nước vào mùa khô làm giảm sản lượng

- 32. A. Làm giảm dòng chảy của sông
- 33. D. Nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản
- 34. C. Tôm, cá tra, cá basa, ngao
- 35. A. Suy giảm nguồn lợi thủy sản
- 36. D. Sản phẩm tươi sống, đông lạnh và chế biến sẵn
- 37. B. Cá và hải sản
- 38. C. Xuất khẩu và tạo thu nhập
- 39. A. Trong nước và xuất khẩu
- 40. B. Khai thác dầu mỏ